

Biểu số 01

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐỢT 4

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	KH ĐTC năm 2025 đợt 4	Ghi chú
	TỔNG SỐ	447.606	
1	Bố trí cho các dự án quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán và chuyển tiếp thuộc các ngành, lĩnh vực cấp tỉnh	57.964	<i>Chi tiết theo Biểu số 02</i> Nguồn tiết kiệm chi 2021 là 14,549 tỷ đồng. Nguồn tiết kiệm chi 2022 là 37,415 tỷ đồng. Nguồn tăng thu XSKT là 6 tỷ đồng
2	Hỗ trợ đầu tư các dự án quyết toán, hoàn thành và chuyển tiếp thuộc lĩnh vực An ninh - Quốc phòng	111.842	<i>Chi tiết theo Biểu số 03</i> Nguồn tiết kiệm chi 2022
3	Hỗ trợ cho các địa phương thực hiện các dự án phục vụ BT-GPMB các Khu công nghiệp	106.000	<i>Chi tiết theo Biểu số 04</i> Nguồn tiết kiệm chi 2022
4	Bố trí vốn thực hiện Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về xây dựng làng văn hóa kiểu mẫu và các dự án quan trọng khác	131.800	<i>Chi tiết theo Biểu số 05</i> Nguồn tiết kiệm chi 2022
5	Hỗ trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các trang thiết bị phục vụ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc	40.000	<i>Chi tiết theo Biểu số 06</i> Nguồn tiết kiệm chi 2022

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐỢT 4) - DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư /Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
														Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	TỔNG SỐ							4.055.935	4.049.325		1.308.592	2.577.483	57.964				
I	Lĩnh vực xã hội							11.821	11.821		11.559	8.588	2.321				
	Dự án quyết toán							11.821	11.821		11.559	8.588	2.321				
1	Đường bê tông phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ quanh bên trong tường rào Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc	Tam Dương		8031886		2023-2025	729/QĐ-UBND ngày 04/04/2023	3.151	3.151	23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023	3.151	2.588	240			Sở Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Sở Y tế)	QĐQT 2017/QĐ-CT ngày 31/12/2024
2	Cải tạo, sửa chữa nhà bếp ăn thành nhà xưởng thực hành và cải tạo sân vườn nội bộ khu ký túc xá Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc (nay là trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc)	Vĩnh Yên		7908572		2021-2023	812/QĐ-UBND ngày 06/4/2021; 1483/QĐ-UBND ngày 07/6/2021	8.670	8.670	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021; 74/NQ-HĐND ngày 30/12/2024	8.408	6.000	2.081			Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc	QĐ phê duyệt QT số 1733/QĐ-UBND ngày 27/11/2024,
II	Lĩnh vực Nông nghiệp							529.559	529.559		45.547	455.727	16.927				
a	Dự án quyết toán							519.363	519.363		36.558	453.531	10.769				
1	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Làng Hà, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo	Tam Đảo				2010-2023	QT số 1396/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	47.149	47.149	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	2.607	44.066	2.607			Công ty TNHH MTV thủy lợi Tam Đảo	Thanh toán QT dự án
2	Kiên cố hoá kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Văn Quán, huyện Lập Thạch	Lập Thạch				2017-2023	QT số 2474/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	4.306	4.306	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	235	3.369	235			Công ty TNHH MTV thủy lợi Lập Thạch	Thanh toán QT dự án
3	Cải tạo nâng cấp kênh nhà Hang Hắc, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch	Lập Thạch				2013-2023	QT số 1388/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	1.342	1.342	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	255	752	255			Công ty TNHH MTV thủy lợi Lập Thạch	Thanh toán QT dự án
4	Xây dựng công trình khẩn cấp Xử lý sạt trượt kè sông Phó Đáy phía hạ lưu bên phả Phú Hậu cũ thuộc địa phận xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch	Lập Thạch		8026477		2021-2023	QT số 229/QĐ-CT ngày 29/2/2025	11.838	11.838	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.295	10.000	1.295			Chi cục thủy lợi	Thanh toán QT dự án
5	Xử lý kè chống sạt lở bờ hữu sông Phó Đáy và đắp đê chống tràn, địa phận huyện Lập Thạch - Giai đoạn 1	Lập Thạch				2019-2022	QT số 249/QĐ-CT ngày 21/2/2025	40.882	40.882	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.485	32.580	1.485			UBND huyện Lập Thạch	Thanh toán QT dự án
6	Xử lý kè chống sạt lở bờ tả sông Phó Đáy đoạn từ K22+600-K22+900 xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường		7940347		2022-2024	1331/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	10.514	10.514	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	10.514	9.858	48			Chi cục thủy lợi	Thanh toán QT dự án

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư /Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
														Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
7	Kè chống sạt lở bờ sông tương ứng đoạn từ K2+000 đến K2+250 đề tả sông Lô thuộc địa phận xã Bạch Lưu, huyện Sông Lô	Sông Lô		7977823		2022-2024	2827/QĐ-UBND ngày 08/10/2021; 3397/QĐ-CT ngày 10/12/2021	11.678	11.678	01/NQ-HĐND ngày 24/6/2022	11.678	10.200	129			Chi cục thủy lợi	Thanh toán QT dự án
8	Xây dựng trạm bơm Trầm Chuông, xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô	Sông Lô				2013-2023	2071/QĐ-CT ngày 04/8/2021	4.100	4.100	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	643	3.280	643			Chi cục thủy lợi	Thanh toán QT dự án
9	Xây dựng công trình Hồ chứa nước Bản Long. Hạng mục: Mở rộng lòng hồ	Sông Lô				2021-2023	1939/QĐ-CT ngày 17/7/2015	76.345	76.345	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	460	62.758	460			Chi cục thủy lợi	Thanh toán QT dự án.
10	Hệ thốngđường phòng cháy chữa cháy và bảo vệ rừng kết hợp dân sinh tỉnh Vĩnh Phúc	Phúc Yên , Sông Lô, Lập Thạch				2014-2020	QT số 316/QĐ-CT ngày 26/2/2025	35.883	35.883	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	861	31.041	861			Chi cục kiểm lâm	Thanh toán QT dự án.
11	Cải tạo Sông Phan từ cầu Vàng đến cầu Thượng Lạp (K8+269-:- K21+156)	Vĩnh Tường		7334887		2010-2021	2717/QĐ-CT ngày 13/10/2011	167.580	167.580	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.725	153.302	1.562			Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	BC thẩm tra QT số 41/BC-STC ngày 5/3/2025
12	Xây dựng kè tả sông Lô xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch	Lập Thạch		7369319		01/11/2012 - 28/8/2019	1618/QĐ-CT ngày 08/7/2011; 354/QĐ-CT ngày 27/01/2014	107.746	107.746	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.800	92.325	1.189			UBND huyện Lập Thạch	QT số 1951/QĐ-UBND ngày 06/9/2023
b	Dự án hoàn thành chờ QT							10.196	10.196		8.989	2.196	6.158				
1	Xử lý kè chống sạt lở bờ sông Phan, thôn Vũ Di, xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường				2020-2024	1892/QĐ-CT ngày 25/8/2023	10.196	10.196	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 và 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	8.989	2.196	6.158			Chi cục thủy lợi	Dự án bố trí vốn hoàn thành trong gd 2016-2020 và đã cấp đủ vốn tuy nhiên năm 2020 CĐT không tiêu được nên bị thu hồi đồng thời thiếu vốn giai đoạn 2021-2025 đúng với số tiền bị thu hồi
III	Lĩnh vực giao thông							2.241.287	2.241.287	0	610.346	1.942.573	11.736				
a	Dự án quyết toán								185.200	185.200		50.000	141.200	860			
1	Đường Nguyễn Tất Thành kéo dài, huyện Bình Xuyên đoạn từ ĐT,302B đến đường Tôn Đức Thắng kéo dài (GDII)	Bình Xuyên		7744258		2020-2024	2723/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	185.200	185.200	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	50.000	141.200	860			UBND huyện Bình Xuyên	Thanh toán QT dự án
b	Dự án hoàn thành chờ QT								2.056.087	2.056.087		560.346	1.801.373	10.876			
1	Tuyến ĐT.307 - Ngoc Mỹ - Quang Sơn - QL2C, huyện Lập Thạch	Lập Thạch		7343929		2016-2020	số 3212/QĐ-CT ngày 29/10/2010; 3452/QĐ-CT ngày 26/11/2014	181.000	181.000	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	10.000	170.871	4.800			UBND huyện Lập Thạch	Bổ sung để thanh toán KHHT đã được nghiệm thu
2	Xây dựng đường nối từ cầu Phú Hậu - QL2A			7694636		2018-2025	3060/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	130.000	130.000	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	23.000	106.776	1.100			Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Bổ sung để thanh toán KHHT đã được nghiệm thu

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư /Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
														Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
3	Đường từ nút giao thông lập thể đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (khu vực xã Văn Quán, huyện lập Thạch) đi trung tâm huyện Sông Lô và tuyến nhánh đi KCN Sông Lô I			7572178		2016-2022	1181/QĐ-CT ngày 31/03/2016; 3308/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	428.926	428.926	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	33.000	369.449	1.280			Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Bổ sung để thanh toán KHHT đã được nghiệm thu
4	Cải tạo, nâng cấp ĐT 309 đoạn từ km13+128 đến km 20+267			7499632		2014-2020	3169/QĐ-CT ngày 30/10/2014; 81/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	178.992	178.992	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.815	133.916	200			Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Bổ sung để thanh toán KHHT đã được nghiệm thu
5	Xây dựng cầu Vĩnh Phú qua sông lô kết nối hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ			7878104		2020-2023	1650/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	540.393	540.393	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	487.393	475.999	2.896			Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Bổ sung để thanh toán KHHT đã được nghiệm thu
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.310 (ĐT.3016 cũ) đoạn từ Đại Lải (Km14+500 ĐT.301) đến QL2C (Đạo Tú)			7034442		2005-2022	số 3166/QĐ-CT ngày 19/10/2005; số 300/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	596.776	596.776	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.138	544.361	600			Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Bổ sung để thanh toán KHHT đã được nghiệm thu
IV	Lĩnh vực công trình công cộng							452.061	452.061		367.162	157.245	15.980				
	Dự án quyết toán							37.061	37.061		16.152	31.672	2.980				
1	Hạ tầng kỹ thuật xóm Gò Bồng, thôn Vĩnh Tiến, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên				2017-2019	QT số 348/QĐ-CT ngày 28/02/2025	7.597	7.597	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.597	5.734	1.410			UBND xã Bá Hiến	Thanh toán QT dự án
2	Bến xe buýt trung tâm Vĩnh Phúc. Hạng mục: Bến xe buýt trung tâm và quyết toán toàn dự án	Vĩnh Yên				2010-2012	Qt số 2537/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	3.886	3.886	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	208	3.687	208			Ban Quản lý bến xe khách Vĩnh Phúc	Thanh toán QT dự án
3	Mở rộng bến xe khách Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường				2009	QT số 1819/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	2.723	2.723	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	40	2.723	40			Ban Quản lý bến xe khách Vĩnh Phúc	Thanh toán QT dự án
4	Bến xe khách kiêm bãi đỗ xe huyện Yên Lạc. Hạng mục: các hạng mục còn lại và quyết toán toàn dự án	Yên Lạc				2012-2023	QT số 1995/QĐ-CT ngày 30/12/2024	9.037	9.037	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	490	7.528	490			Ban Quản lý bến xe khách Vĩnh Phúc	Thanh toán QT dự án
5	Hệ thống chiếu sáng trên tuyến ĐT.301, đoạn từ Km18+100 đến Km26+00	Phúc Yên		8041655		2023-2024	47/QĐ-UBND ngày 10/01/2023; 1083/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	13.818	13.818	23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023	13.817	12.000	832			Sở Công Thương	Thanh toán QT dự án
	Dự án chuyển tiếp							415.000	415.000		351.010	125.573	13.000				
1	Khu công viên vui chơi giải trí thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Yên		7719534			Số 2017/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	415.000	415.000	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	351.010	125.573	13.000			UBND thành phố Vĩnh Yên	Thực hiện GPMB dự án. BSCMT
V	Lĩnh vực Y tế (nguồn tăng thu XSKT năm 2024)							23.288	16.678	0	16.678	13.350	6.000				
a	Dự án quyết toán							11.257	11.257		11.257	9.500	579				

[illegible]

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐỢT 4)

Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực An ninh - Quốc phòng

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	TỔNG SỐ						553.600	553.600		553.600	367.400	111.842				
A	QUỐC PHÒNG						356.300	356.300		356.300	237.400	91.842				
I	Dự án quyết toán						43.300	43.300		43.300	38.500	4.007				
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp sửa chữa Căn cứ chiến đấu (giả định) phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập KVPT tỉnh Vĩnh Phúc/Quân khu 2	Tam Đảo	7004686		2022-2023	724/QĐ-QK ngày 27/5/2022	28.800	28.800	31/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	28.800	25.500	2.731			Bộ CHQS tỉnh	QT số 1871/QĐ-QK ngày 17/10/2024
5	Công sân, đường, tường rào, kè chống sạt doanh trại đại đội 27 sẵn sàng chiến đấu/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	7004686		2022-2023	798/QĐ-BTL ngày 30/5/2022	14.500	14.500	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	14.500	13.000	1.276			Bộ CHQS tỉnh	QT số 2451/QĐ-QK ngày 31/12/2024
II	Dự án hoàn thành đang trình quyết toán						30.000	30.000		30.000	26.900	2.635				
1	Nhà ở cơ quan đoàn bộ/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	7004686		2022-2023	795/QĐ-BTL ngày 30/5/2022	6.000	6.000	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	6.000	5.400	477			Bộ CHQS tỉnh	
2	Cải tạo nhà ở Phòng Tham mưu/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	7004686		2022-2023	796/QĐ-BTL ngày 30/5/2022	5.000	5.000	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	5.000	4.500	403			Bộ CHQS tỉnh	
3	Cải tạo nhà ăn, nhà bếp khu B/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	7004686		2022-2023	797/QĐ-BTL ngày 30/5/2022	4.500	4.500	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	4.500	4.000	415			Bộ CHQS tỉnh	
4	Hồ chứa nước cứu hỏa, đường tuần tra bảo vệ, ụ chống nổ lấy Kho Vũ khí đạn/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Tam Dương	7004686		2022-2023	799/QĐ-BTL ngày 30/5/2022	14.500	14.500	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	14.500	13.000	1.340			Bộ CHQS tỉnh	
III	Dự án chuyển tiếp						283.000	283.000		283.000	172.000	85.200				
1	Xây mới, cải tạo nâng cấp nhà khách/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	7004686		2022-2024	3097/QĐ-BQP ngày 05/10/2022	75.000	75.000	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	75.000	67.000	3.000			Bộ CHQS tỉnh	
2	Xây dựng nhà ở đại đội, cải tạo nâng cấp hạ tầng c834 cơ sở 1/Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Bình Xuyên	7004686		2023-2025	1743/QĐ-QK ngày 25/10/2023	30.000	30.000	44/NQ-HĐND ngày 31/10/2023	30.000	15.000	12.000			Bộ CHQS tỉnh	
3	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc: Hạng mục nhà ở làm việc chỉ huy; Nhà ở phòng Chính trị, Kỹ thuật và các trang thiết bị doanh cụ	Vĩnh Yên	7004686		2023-2025	1745/QĐ-QK ngày 25/10/2023	18.000	18.000	44/NQ-HĐND ngày 31/10/2023	18.000	9.000	7.200			Bộ CHQS tỉnh	
4	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc, hạng mục: Nhà trung tâm chỉ huy hạ tầng và trang thiết bị doanh cụ	Vĩnh Yên	7004686		2023-2025	1761/QĐ-QK ngày 26/10/2023	29.500	29.500	44/NQ-HĐND ngày 31/10/2023	29.500	14.750	11.800			Bộ CHQS tỉnh	
5	Xây dựng, nâng cấp Doanh trại Ban CHQS huyện Lập Thạch	Lập Thạch	7004686		2023-2025	1746/QĐ-QK ngày 25/10/2023	29.500	29.500	44/NQ-HĐND ngày 31/10/2023	29.500	14.750	11.800			Bộ CHQS tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
6	Xây dựng, nâng cấp Doanh trại Ban CHQS huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	7004686		2023-2025	1734/QĐ-QK ngày 24/10/2023	18.000	18.000	44/NQ-HĐND ngày 31/10/2023	18.000	9.000	7.200			Bộ CHQS tỉnh	
7	Xây dựng nhà khách, nhà ở chi huy Ban CHQS huyện Tam Dương	Tam Dương	7004686		2023-2025	1733/QĐ-QK ngày 24/10/2023	30.000	30.000	44/NQ-HĐND ngày 31/10/2023	30.000	15.000	12.000			Bộ CHQS tỉnh	
8	Xây dựng tường rào bảo vệ chống lấn chiếm đất Quốc phòng, đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ Thao trường HLTH Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	Tam Đảo	7004686		2023-2025	1783/QĐ-QK ngày 30/10/2023	35.000	35.000	28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	35.000	17.500	14.000			Bộ CHQS tỉnh	
9	Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ Bệnh viện Quân y 109/Cục Hậu cần/Quân khu 2	Vĩnh Yên	997104686			801/QĐ-BTL ngày 30/5/2022; 790/QĐ-QK ngày 03/6/2022	18.000	18.000	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	18.000	10.000	6.200			Bệnh viện Quân y 109	
B	AN NINH, TRẬT TỰ VÀ ATXH						197.300	197.300		197.300	130.000	20.000				
	Dự án hoàn thành						197.300	197.300		197.300	130.000	20.000				
1	Cơ sở làm việc Công an thành phố Vĩnh Yên thuộc Công an tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	7004692		2022-2025	9836/QĐ-BCA-H02 ngày 01/12/2021	197.300	197.300	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	197.300	130.000	20.000			Công an tỉnh	

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐỢT 4)

Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện các dự án phục vụ BT GPMB các Khu công nghiệp

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
										Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	TỔNG SỐ			368.963	210.605	0	210.605	90.632	106.000				
I	Huyện Tam Dương			246.207	127.605		127.605	40.605	76.000				
1	Khu TĐC phục vụ GPMB Khu công nghiệp Tam Dương 1, khu vực 2 tại khu Cánh Buồm, TDP Bàu, Mối thị trấn Hợp Hoà huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Tam Dương	QĐ số 807/QĐ-UBND ngày 21/04/2022; QĐ số 2256/QĐ-UBND ngày 02/8/2023; QĐ số 749/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	5.397	4.900	31/NQ-HĐND ngày 12/12/2022; 23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	4.900		1.900			UBND thị trấn Hợp Hoà	
2	Khu đất TĐC phục vụ GPMB Khu công nghiệp Tam Dương I, khu vực 2 tại đồng Cây Xanh thôn Côi, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương	Tam Dương	QĐ số 2985/QĐ-UBND ngày 08/11/2022; QĐ số 2206/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	4.108	700	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	700		700			UBND xã Đạo Tú	
3	Khu đất TĐC phục vụ GPMB Khu công nghiệp Tam Dương I, khu vực 2 tại xã Hướng Đạo huyện Tam Dương	Tam Dương	QĐ số 3814/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	179.870	90.605	41/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 và 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	90.605	40.605	50.000			Ban QL dự án đầu tư xây dựng huyện Tam Dương	
4	Mở rộng nghĩa trang thôn Liên Kết, thôn Chùa, xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương	Tam Dương	QĐ số 3323/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; QĐ số 915/QĐ-UBND ngày 12/5/2023; QĐ 2204/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	12.243	6.000	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	6.000		6.000			UBND xã Hướng Đạo	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
										Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
5	Mở rộng nghĩa trang thôn Điền Trù, xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương	Tam Dương	QĐ số 3325/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; QĐ số 2207/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	14.296	8.800	23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023; 31/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 và Đang trình đợt này	8.800		3.800			UBND xã Hướng Đạo	
6	Nghĩa trang đồng Gò, thôn Lẻ, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương	Tam Dương	QĐ số 3324/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; QĐ số 4100/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; QĐ số 2205/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	11.722	6.600	23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023; 31/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 và 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	6.600		3.600			UBND xã Đạo Tú	
7	Nghĩa trang nhân dân tại khu đồng Rau Sen, xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương	Tam Dương	315/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	18.571	10.000	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			UBND xã Hội Thịnh	
II	Huyện Bình Xuyên			122.756	83.000		83.000	50.027	30.000				
1	Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư phục vụ GPMB dự án Trung tâm Logicstic ICD Vĩnh Phúc	Bình Xuyên	1661/QĐ-UBND ngày 17/06/2021	78.424	53.000	31/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023 và 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	53.000	35.916	20.000			Ban QL dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Xuyên	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư phục vụ GPMB Khu công nghiệp Bá Thiện II tại thôn Đồng Giang, thôn Ba Gò, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên	2094/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	44.332	30.000	23/NQ-HĐND ngày 05/5/2023 41/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 và 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	30.000	14.111	10.000			Ban QL dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Xuyên	

Biểu số 05

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐỢT 4)

Hỗ trợ BSMT cho các địa phương xây dựng CSHT theo Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về xây dựng làng văn hóa kiểu mẫu

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
												Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	TỔNG SỐ					181.613	181.613	0	131.800	23.861	131.800				
I	Huyện Tam Dương					29.796	29.796		27.000		27.000				
1	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn Viên Du Hoà, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương	Tam Dương			2039/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	9.826	9.826	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	9.000		9.000			UBND xã Thanh Vân	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thoát nước thải và tường rào NVH thôn Chiến Thắng, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương	Tam Dương			2189/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	9.974	9.974	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	9.000		9.000			UBND xã Đồng Tĩnh	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT làng văn hóa kiểu mẫu thôn Chăm, xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương	Tam Dương			2323/QĐ-UBND 21/5/2024	9.996	9.996	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	9.000		9.000			UBND xã Hoàng Đan	
II	Huyện Sông Lô					33.440	33.440		30.000		30.000				
1	Hạ tầng làng văn hóa kiểu mẫu thôn Đồng Dong, xã Quang Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	Sông Lô			813/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	11.500	11.500	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sông Lô	
2	Hạ tầng làng văn hóa kiểu mẫu thôn Khoái Trung, xã Đức Bắc, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	Sông Lô			814/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	10.940	10.940	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sông Lô	
3	Hạ tầng làng văn hóa kiểu mẫu thôn Hòa Bình, xã Hải Lựu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	Sông Lô			815/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	11.000	11.000	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sông Lô	
III	Thành phố Phúc Yên					32.998	32.998		30.000		30.000				
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Làng văn hoá kiểu mẫu thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên	Phúc Yên		2024-2026	598/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	11.000	11.000	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tp Phúc Yên	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Làng văn hoá kiểu mẫu thôn Cao Quang, xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên	Phúc Yên		2024-2026	599/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	10.999	10.999	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tp Phúc Yên	
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Làng văn hoá kiểu mẫu TDP Kim Xuyên, phường Tiền Châu, thành phố Phúc Yên	Phúc Yên		2024-2026	600/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	10.999	10.999	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tp Phúc Yên	
IV	Huyện Vĩnh Tường					75.379	75.379		35.800	23.861	35.800				
a	Thôn Duy Bình- xã Vĩnh Ninh (cũ)					17.366	17.366		10.000	5.800	10.000				
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Vĩnh Ninh; các tuyến thôn Duy Bình	Vĩnh Tường	292	2022-2023	Số: 147/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	14.308	14.308	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	8.000	5.200	8.000			UBND xã Vĩnh Phú	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
												Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông nông thôn thôn Duy Bình xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	312	2022-2023	Số: 85/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	1.574	1.574	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.000	300	1.000			UBND xã Vĩnh Phú	
3	Cải tạo chỉnh trang một số tuyến đường giao thông thôn Duy Bình “Làng Văn hóa kiểu mẫu” xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	Số: 194b/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	1.484	1.484	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.000	300	1.000			UBND xã Vĩnh Phú	
b	Thôn Đông - Xã Phú Đa(cũ)					23.883	23.883		10.000	7.500	10.000				
1	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường giao thông liên thôn Đông "Làng văn hóa kiểu mẫu" xã Phú Đa, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	140b/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	5.871	5.871	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	2.500	2.000	2.500			UBND xã Vĩnh Phú	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đông, xã Phú Đa huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292		91/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	11.432	11.432	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	4.500	3.500	4.500			UBND xã Vĩnh Phú	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đông tuyến từ nhà văn hóa thôn Đông đi trường THCS lên Đê trung ương xã Phú Đa huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292		126/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	6.580	6.580	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	3.000	2.000	3.000			UBND xã Vĩnh Phú	
c	Thôn Bàn Mạch - xã Lý Nhân (Cũ)					21.046	21.046		10.000	7.405	10.000				
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường GTNT thôn Bàn Mạch, xã Lý nhân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	90/QĐ-UBND ngày 21/02/2023	3.334	3.334	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.900	1.000	1.900			UBND xã An Nhân	
2	Cải tạo đường giao thông thôn Bàn Mạch xã Lý Nhân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	620/QĐ-UBND ngày 07/07/2023	6.068	6.068	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	3.835	1.500	3.835			UBND xã An Nhân	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT(các tuyến đường ngõ xóm)thôn Bàn Mạch,xã Lý Nhân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	398/QĐ-UBND ngày 18/05/2023	4.352	4.352	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.800	1.200	1.800			UBND xã An Nhân	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước thôn Bàn Mạch xã Lý Nhân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	529/QĐ-UBND ngày 12/06/2023	4.997	4.997	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.375	3.205	1.375			UBND xã An Nhân	
5	Cải tạo, chỉnh trang đường GTNT và một số hạng mục khác thôn Bàn Mạch, xã Lý Nhân	Vĩnh Tường	292	2022-2023	727/QĐ-UBND ngày 28/07/2023	2.295	2.295	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.090	500	1.090			UBND xã An Nhân	
d	Thôn Hệ - xã Vĩnh Thịnh					13.084	13.084		5.800		5.800				
1	Cải tạo chỉnh trang một số tuyến đường giao thông thôn Hệ “Làng Văn hóa kiểu mẫu” xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	106a/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	1.870	1.870	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	1.000	229	1.000			UBND xã Vĩnh Thịnh	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hệ xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	292	2022-2023	157/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	8.126	8.126	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	4.600	1.927	4.600			UBND xã Vĩnh Thịnh	
3	Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Hệ, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	371	2022-2023	156/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	3.088	3.088	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	200	1.000	200			UBND xã Vĩnh Thịnh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
												Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
V	Huyện Tam Đảo					10.000	10.000		9.000	0	9.000				
1	Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại làng văn hoá kiểu mẫu thôn Đồng Cà, xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo	Tam Đảo		2025-2026	504/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	10.000	10.000	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	9.000	0	9.000			UBND xã Bồ Lý	

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐỢT 4)

Hỗ trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các trang thiết bị phục vụ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - đợt 4			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số, ngày, tháng quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số, ngày, tháng quyết định	Số tiền		Tổng số	Trong đó			
														Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	TỔNG SỐ							44.993	44.993	0	44.993	0	40.000				
	Dự án mới							44.993	44.993		44.993	0	40.000				
1	Mua sắm trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các trang thiết bị phục vụ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên				2025-2027	606/QĐ-CAT-HC ngày 24/3/2025	44.993	44.993	08/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	44.993	0	40.000			Công an tỉnh	